

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn 98 dự án do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực Quan Sơn, Quan Hóa, Bỉm Sơn, Mường Lát, Quảng Xương, Vĩnh Lộc, Như Xuân, Thường Xuân, Bá Thước, Như Thanh, Cẩm Thủy, Nga Sơn, Sầm Sơn, Triệu Sơn, Hà Trung, Đông Sơn, Thiệu Hóa, Hậu Lộc, Ngọc Lặc, Lang Chánh, Thọ Xuân và Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN làm Chủ đầu tư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 10055/TTr-SXD ngày 06/11/2025 về việc điều chỉnh nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn 98 dự án do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực Quan Sơn, Quan Hóa, Bỉm Sơn, Mường Lát, Quảng Xương, Vĩnh Lộc, Như Xuân, Thường Xuân, Bá Thước, Như Thanh, Cẩm Thủy, Nga Sơn, Sầm Sơn, Triệu Sơn, Hà Trung, Đông Sơn, Thiệu Hóa, Hậu Lộc, Ngọc Lặc, Lang Chánh, Thọ Xuân và Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN làm chủ đầu tư (Kèm theo kết quả thẩm định nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn của Sở Tài chính tại Văn bản số 11297/STC-THQH ngày 29/10/2025).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn 98 dự án do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực: Quan Sơn, Quan Hóa, Bim Sơn, Mường Lát, Quảng Xương, Vĩnh Lộc, Như Xuân, Thường Xuân, Bá Thước, Như Thanh, Cẩm Thủy, Nga Sơn, Sầm Sơn, Triệu Sơn, Hà Trung, Đông Sơn, Thiệu Hóa, Hậu Lộc, Ngọc Lặc, Lang Chánh, Thọ Xuân và Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN làm chủ đầu tư tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Sở Xây dựng, Sở Tài chính và các Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực nêu trên theo chức năng nhiệm vụ được giao phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, phù hợp theo quy định của pháp luật đối với số liệu, nội dung tham mưu, đề xuất.

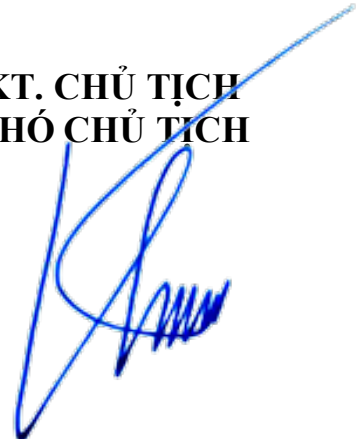
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Giám đốc các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực: Quan Sơn, Quan Hóa, Bim Sơn, Mường Lát, Quảng Xương, Vĩnh Lộc, Như Xuân, Thường Xuân, Bá Thước, Như Thanh, Cẩm Thủy, Nga Sơn, Sầm Sơn, Triệu Sơn, Hà Trung, Đông Sơn, Thiệu Hóa, Hậu Lộc, Ngọc Lặc, Lang Chánh, Thọ Xuân và Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THĐT, KTTC, NN&MT, CN(v).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

Phụ lục I

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH NGUỒN VỐN VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN 98 DỰ ÁN DO CÁC BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC: QUAN SƠN, QUAN HÓA, BỈM SƠN, MUỜNG LÁT, QUẢNG XƯƠNG, VĨNH LỘC, NHƯ XUÂN, THƯỜNG XUÂN, BÁ THUỐC, NHƯ THANH, CẨM THỦY, NGÀ SƠN, SÀM SƠN, TRIỆU SƠN, HÀ TRUNG, ĐÔNG SƠN, THIỆU HÓA, HẬU LỘC, NGỌC LẠC, LANG CHÁNH, THỌ XUÂN VÀ BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC KKT NGHĨ SƠN VÀ CÁC KCN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Theo các Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; dự án, điều chỉnh dự án (nếu có)						Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư điều chỉnh			
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư được phê duyệt				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện đã bố trí	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Đường giao thông liên xã từ bản Ché Lầu xã Na Mèo đi bản Mùa Xuân, Khả xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn	Ban QLDA ĐTXD khu vực Quan Sơn	Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 30/8/2023	43.874	39.885	3.989			39.885	3.989		
2	Trung tâm hội nghị huyện Quan Sơn		Các QĐ số: 3623/QĐ-UBND ngày 12/10/2010; 3554/QĐ-UBND ngày 17/9/2015; 3009/QĐ-UBND ngày 16/8/2017	24.895,222		20.793,374	4.101,848			21.895,222	3.000	
3	Đường từ bản Sơn đi bản Ché Lầu, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn		QĐ số 3577/QĐ-UBND ngày 31/8/2020	49.030,397	44.127,357	4.903,040			44.127,357	4.903,040		
4	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Tam Lư - Tam Thanh, huyện Quan Sơn		QĐ số 2037/QĐ-UBND ngày 04/6/2020	54.363,92	48.927,53	5.436,39			48.927,53	5.436,39		
5	Nối tiếp đường giao thông Trung Thượng - Sơn Lư đến đường Tây Thanh Hóa, huyện		Các QĐ số: 176/QĐ-UBND ngày 14/01/2014; 2336/QĐ-UBND ngày 24/7/2014; 945/QĐ-UBND ngày 16/3/2018	37.963,276	37.559,276		404		37.559,276	404		

STT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Theo các Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; dự án, điều chỉnh dự án (nếu có)						Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư điều chỉnh			
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư được phê duyệt				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện đã bố trí	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Quan Sơn											
6	Đường giao thông từ Quốc lộ 217 đi bản Sủa, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn	Ban QLDA ĐTXD khu vực Quan Sơn	Các QĐ số: 1942/QĐ-UBND ngày 29/5/2020; 2110/QĐ-UBND ngày 08/6/2020; 4723/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	54.899,474	49.409,527	5.489,947			49.409,527	5.489,947		
7	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Sơn Thủy - Na Mèo, huyện Quan Sơn		QĐ số 4153/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	21.874	19.885	1.989			19.885	1.989		
8	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nối QL.217 đi Đồn Biên phòng Mường Mìn, huyện Quan Sơn		QĐ số 4684/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	21.740	19.764	1.976			19.764	1.976		
9	Nâng cấp đường giao thông liên xã Trung Hạ - Trung Xuân, huyện Quan Sơn		QĐ số 1122/QĐ-UBND ngày 06/4/2023	32.874	29.885	2.989			29.885	2.989		
10	Đường nội thị trấn Hồi Xuân từ khu 1 đến khu 7, huyện Quan Hóa	Ban QLDA ĐTXD khu vực Quan hoá	QĐ số 1201/QĐ-UBND ngày 7/4/2022	68.000		65.000	3.000			68.000		
11	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Tân Lập, xã Trung Thành, huyện Quan Hóa.		634/QĐ-UBND ngày 27/02/2023	2.000		1.500	500			2.000		
12	Đầu tư xây dựng công trình Trung tâm y tế thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Ban QLDA ĐTXD khu vực	Các QĐ số: 4435/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 5378/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	22.765		18.265	4.500		-	22.207,802	557,198	-

STT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Theo các Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; dự án, điều chỉnh dự án (nếu có)						Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư điều chỉnh			
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư được phê duyệt				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện đã bố trí	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
13	Đường giao thông nối từ đường Trần Phú đến đường Nam Bim Sơn 6, thị xã Bim Sơn	Bim Sơn	QĐ số 1109/QĐ-UBND ngày 31/3/2022	335.998,156	117.000	-	218.998,156		117.000	188.550,952	30.447,204	-
14	Khu tái định cư bản Nà Ón, xã Trung Lý, huyện Mường Lát	Ban QLDA ĐTXD	Các QĐ số: 3720/QĐ-UBND ngày 17/9/2019; 5403/QĐ-UBND ngày 21/12/2020	26.228,339		24.300	1.928,339		-	25.189,124	1.039,215	-
15	Khu tái định cư bản Pá Hộc, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát	khu vực Mường Lát	Các QĐ số: 3720/QĐ-UBND ngày 17/9/2019; 5121/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	23.566,324		20.800	2.766,324		-	23.566,324	-	-
16	Đầu tư xây dựng nhà khoa khám bệnh cận lâm sàng, cấp cứu, phẫu thuật và điều trị nội trú Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Xương	Ban QLDA ĐTXD khu vực Quảng Xương	QĐ số 1949/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	119.997,687		72.000	35.997,687	12.000	-	79.701,447	28.296,240	12.000
17	Đường giao thông từ QL.1A đi đường ven biển từ xã Quảng Chính đi xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương		QĐ số 2861/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	175.000		108.000	67.000		-	172.424,632	2.575,369	-
18	Đường giao thông từ cầu Thắng Phú (xã Quảng Ngọc) đi QL. 1A (xã Quảng Bình), huyện Quảng Xương		QĐ số 2182/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	220.000		144.000	76.000		-	175.468,199	44.531,801	-

STT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Theo các Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; dự án, điều chỉnh dự án (nếu có)						Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư điều chỉnh			
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư được phê duyệt				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện đã bố trí	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
19	Đường từ núi Văn Trinh (ĐT.504) đến đường Thọ Xuân - Nghi Sơn (ĐT.506)		QĐ số 2727/QĐ-UBND ngày 01/8/2023	442.990		380.000	62.990		-	424.254,083	18.735,917	-
20	Đường từ trung tâm đô thị Bồng, huyện Vĩnh Lộc nối đường tỉnh 516B ra Quốc lộ 217 đi huyện Hà Trung	Ban QLDA ĐTXD khu vực Vĩnh Lộc	Các QĐ số: 1798/QĐ-UBND ngày 25/5/2022; 3530/QĐ-UBND ngày 26/8/2024	177.000	117.600	29.400	30.000		117.600	54.086,073	5.313,927	-
21	Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Lộc		QĐ số 1665/QĐ-UBND ngày 27/7/2023	110.000		90.000	20.000		-	110.000	-	-
22	Hệ thống thoát nước khu vực thị trấn Vĩnh Lộc và các xã phụ cận huyện Vĩnh Lộc		QĐ số 4897/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	42.992,928		27.000	15.992,928		-	40.992,928	2.000	-
23	Xây dựng các hạng mục Trường THCS&THPT Như Xuân, huyện Như Xuân	Ban QLDA ĐTXD khu vực Như Xuân	QĐ số 2856/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	30.000		27.000	3.000	-	-	29.770,65	229,35	-
24	Đường từ QL 47 đi cầu Tổ Rồng (điểm đầu tiếp giáp đường mòn Hồ Chí Minh tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, tiếp cuối tiếp giáp đường Xuân Cao đi xã Luận Thành tại địa phận xã Xuân Cao	Ban QLDA ĐTXD khu vực Thường Xuân	Các QĐ số 1716/QĐ-UBND ngày 19/5/2022; 690/QĐ-UBND ngày 05/03/2025	222.000	80.000	40.000	102.000		80.000	142.000		

STT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Theo các Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; dự án, điều chỉnh dự án (nếu có)						Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư điều chỉnh			
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư được phê duyệt				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện đã bố trí	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
25	Đầu tư xây dựng mới một số hạng mục công trình để hoàn thiện cơ sở vật chất Bệnh viện Đa khoa huyện Thường Xuân		QĐ số 1028/QĐ-UBND ngày 18/3/2024	98.200		2.000	4.200	92.000		6.000	200	92.000
26	Đường nối tiếp cầu Tô Ròng đi xã Ngọc Phụng giao với QL.47, huyện Thường Xuân	Ban QLDA ĐTXD khu vực Thường Xuân	QĐ số 181/QĐ-UBND ngày 16/01/2025	199.100		162.100	37.000			199.100		
27	Đường giao thông từ trung tâm xã Tân Thành đi đường mòn Hồ Chí Minh		QĐ số 873/QĐ-UBND ngày 17/3/2023	50.490	45.900	4.590			45.900	4.590		
28	Đường giao thông từ xã Thọ Thanh đi xã Xuân Cẩm huyện Thường Xuân		Các QĐ số: 900/QĐ-UBND ngày 27/3/2025; 3688/QĐ-UBND ngày 21/9/2021; 2059/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	56.209,578	47.698,936	8.510,642			47.698,936	8.510,642		
29	Đường giao thông từ thôn Bồng xã Luận Khê đi thôn Pà Cầu xã Xuân Lộc huyện Thường Xuân		Các QĐ số: 1814/QĐ-UBND ngày 22/5/2020; 4042/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	54.007	36.359,09	17.647,91			36.359,09	17.647,91		
30	Đầu tư xây dựng Công sở xã Điền Thượng, huyện Bá Thước	Ban QLDA ĐTXD khu vực Bá Thước	QĐ số 1636/QĐ-UBND ngày 16/5/2023	5.197,644		5.000	197,644			5.197,644		
31	Đầu tư xây dựng Công sở xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước		QĐ số 1642/QĐ-UBND ngày 16/5/2023	5.197,583		5.000	197,583			5.197,583		
32	Đường tránh tỉnh lộ 521B đoạn qua chợ phố Đoàn, xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước.		Các QĐ số 1140/QĐ-UBND ngày 04/4/2022; 2974/QĐ-UBND ngày 4/9/2025	75.745		68.745	7.000			75.745		

STT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Theo các Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; dự án, điều chỉnh dự án (nếu có)						Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư điều chỉnh			
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư được phê duyệt				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện đã bố trí	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
33	Cầu trung tâm đô thị thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước và đường nối đường tránh thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước đi tỉnh lộ 523D, huyện Bá Thước		QĐ số 2850/QĐ-UBND ngày 22/8/2022	213.593,721		144.000	69.593,721			213.593,721		
34	Trụ sở Huyện ủy, Mặt trận Tổ quốc và khối đoàn thể chính trị - xã hội huyện Bá Thước.		QĐ số 2779/QĐ-UBND ngày 03/7/2024	35.000		23.243	11.757			35.000		
35	Trụ sở làm việc MTTQ và khối đoàn thể chính trị - xã hội huyện Như Thanh.	Ban QLDA ĐTXD khu vực Như Thanh	QĐ số 2659/QĐ-UBND ngày 27/7/2023	10.391,76		5.000	5.391,76			8.391,76	2.000	
36	Đường Bến En đi trung tâm thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh		QĐ số 1867/QĐ-UBND ngày 30/5/2022	348.154,884		160.000	188.154,884			341.485,943	6.668,941	
37	Đầu tư xây dựng nhà điều trị bệnh nhân và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh		Các QĐ số 3207/QĐ-UBND ngày 11/9/2023; 919/QĐ-UBND ngày 31/3/2025	98.600		95.000	3.600	-	-	98.600	-	-
38	Đường Đông Tây 3 nối từ đường tránh Tây QL217 đến đường Hồ Chí Minh và đường tránh Tây QL217 nối QL217 huyện Cẩm Thủy	Ban QLDA ĐTXD khu vực Cẩm Thủy	QĐ số 3104/QĐ-UBND ngày 19/09/2022	199.786,79		135.000	64.786,79		-	167.458,107	32.328,683	
39	Đường giao thông khu du lịch suối cá thần xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy		Các QĐ số: 1202/QĐ-UBND ngày 07/4/2022; 1289/QĐ-UBND ngày 15/4/2022	57.000		45.000	12.000	-	-	53.644,966	3.355,034	

STT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Theo các Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; dự án, điều chỉnh dự án (nếu có)						Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư điều chỉnh			
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư được phê duyệt				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện đã bố trí	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
40	Bảo tồn, tôn tạo di tích Khu căn cứ khởi nghĩa Ba Đình (Hạng mục: Đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình), huyện Nga Sơn.	Ban QLDA ĐTXD khu vực Nga Sơn	QĐ số 2319/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	95.500	1.000	71.625	22.875		1.000	86.500	8.000	
41	Cải tạo, nâng cấp ĐT.524, huyện Nga Sơn		QĐ số 909/QĐ-UBND ngày 14/3/2022	200.000	155.000	39.000	6.000		155.000	45.000		
42	Trụ sở làm việc của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, UBND và các khối đoàn thể, đơn vị sự nghiệp thành phố Sầm Sơn	Ban QLDA ĐTXD khu vực Sầm Sơn	QĐ số 2607/QĐ-UBND ngày 16/07/2021	262.647,831	-	-	262.647,831	-	-	33.435,982	229.211,849	-
43	Cải tạo, sửa chữa Trường Trung cấp Phát thanh - Truyền hình thành Trường Trung học cơ sở Nguyễn Hồng Lễ, thành phố Sầm Sơn		QĐ số 4348/QĐ-UBND ngày 14/10/2020	38.986,435	-	19.500	19.486,435	-		25.526,435	13.460	
44	Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Du, thành phố Sầm Sơn		Các QĐ số: 4321/QĐ-UBND ngày 28/10/2015, 408/QĐ-UBND ngày 29/01/2018 2737/QĐUBND ngày 13/7/2020; 1672/QĐ-UBND ngày 25/4/2024	159.894	-	141.669	18.225		-	155.935,394	3.958,606	

STT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Theo các Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; dự án, điều chỉnh dự án (nếu có)						Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư điều chỉnh			
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư được phê duyệt				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện đã bố trí	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
45	Tuyến đường Tây Sầm Sơn 5 (Đoạn từ Đại lộ Nam Sông Mã đến QL47) và tuyến đường Hai Bà Trưng (Đoạn từ Đại lộ Nam Sông Mã đến đường Trần Hưng Đạo), thành phố Sầm Sơn		Các QĐ số: 4532/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 4070/QĐUBND ngày 25/9/2020; 1560/QĐ-UBND ngày 19/4/2024	369.533,127	-	369.533,127		-	-	369.533,127	-	
46	Khu lưu niệm đồng bào, cán bộ, chiến sỹ và học sinh miền Nam tập kết ra Bắc tại phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn		Các QĐ số: 5231/QĐ-UBND ngày 20/12/2021; 2799/QĐ-UBND ngày 07/8/2023	254.924,702	-	76.500	178.424,702		-	169.321,907	2.686,095	82.916,7
47	Tuyến đường trục cảnh quan Thanh Hóa - Sầm Sơn, thành phố Sầm Sơn (đoạn từ Quốc lộ 10 đến đường 4C)	Ban QLDA ĐTXD khu vực Sầm Sơn	QĐ số 103/QĐ-UBND ngày 09/01/2023	631.862,11	-	147.634	484.228,11	-	-	613.861,597	18.000,513	-
48	Hạ tầng kỹ thuật khu du lịch sinh thái Quảng Cư, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (ngoài hàng rào Khu đô thị di lịch sinh thái FLC)		Các QĐ số: 2203/QĐ-UBND ngày 16/06/2015; 739/QĐ-UBND ngày 09/3/2017	636.155,964	-	636.155,964		-	-	612.714,943	23.441,021	-
49	Xử lý triệt để môi trường bãi rác tại phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn		QĐ số 1428/QĐ-UBND ngày 27/4/2022	274.469,806	-	155.000	119.469,806	-	-	274.469,806	-	-

STT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Theo các Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; dự án, điều chỉnh dự án (nếu có)						Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư điều chỉnh			
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư được phê duyệt				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện đã bố trí	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
50	Đầu tư xây dựng mới một số hạng mục công trình để hoàn thiện cơ sở vật chất Bệnh viện Đa khoa huyện Triệu Sơn	Ban QLDA ĐTXD khu vực Triệu Sơn	Các QĐ số: 3129/QĐ-UBND ngày 05/8/2020; 4666/QĐ-UBND ngày 27/12/2022; 1621/QĐ-UBND ngày 15/5/2023; 2222/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	120.615	-	80.500	28.615	11.500	-	91.859	17.256	11.500
51	Xây dựng nhà hiệu bộ, nhà đa năng trường THPT Triệu Sơn 5, huyện Triệu Sơn		Các QĐ số: 3898/QĐ-UBND ngày 14/11/2022; 234/QĐ-UBND ngày 15/01/2024	14.962,694	-	10.500	4.462,694	-	-	14.362,694	600	-
52	Xây mới nhà hiệu bộ Trường THPT Triệu Sơn 3, huyện Triệu Sơn		QĐ số 4282/QĐ-UBND ngày 28/10/2024	10.750	-	7.525	3.225	-	-	10.750	-	-
53	Xây mới nhà lớp học bộ môn, nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ trường THPT Triệu Sơn 4, huyện Triệu Sơn		QĐ số 2282/QĐ-UBND ngày 05/6/2024	19.950	-	13.965	5.985	-	-	19.950	-	-
54	Đường giao thông kết nối Quốc lộ 217 đi đường tỉnh 508, huyện Hà Trung	Ban QLDA ĐTXD khu vực Hà Trung	QĐ số 394/QĐ-UBND ngày 24/01/2022	140.000	89.600	22.400	28.000		89.600	50.400		
55	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hoá (MBQH số 7553/QĐ-UBND ngày 18/12/2012 điều chỉnh từ MBQH số 73/UBND-CN)	Ban QLDA ĐTXD khu vực Đông Sơn	Các QĐ số 2452/QĐ-UBND ngày 23/7/2009; 5951/QĐ-UBND ngày 09/7/2024	268.268,693			268.268,693			97.929,842	170.338,852	

STT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Theo các Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; dự án, điều chỉnh dự án (nếu có)						Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư điều chỉnh			
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư được phê duyệt				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện đã bố trí	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
56	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, tái định cư xã Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa (MBQH số 1858/QĐ-UBND ngày 23/4/2012 điều chỉnh MBQH 1821/UBND-QLĐT ngày 20/1/2019)		Các QĐ số 11982/QĐ-UBND ngày 25/12/2015; 21885/QĐ-UBND ngày 20/12/2016	168.367,605			168.367,605			25.823,672	142.543,933	
57	Hạ tầng kỹ thuật khu ở và thương mại phía Nam trường SOS, thuộc khu đô thị Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa (MBQH số 30/QĐ-UBND ngày 04/01/2023)		QĐ số 8322/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	253.025,159			253.025,159			64.010,181	189.014,978	
58	Mở rộng Đại lộ Đông Tây, thành phố Thanh Hóa (đoạn từ cầu Cao đến thị trấn Rừng Thông)	Ban QLDA ĐTXD khu vực Đông Sơn	QĐ số 168/QĐ-UBND ngày 03/01/2025	269.000			269.000			264.238,346	4.761,654	
59	Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè, hệ thống điện chiếu sáng Đường Bà Triệu (QL 1A cũ), đoạn từ Ngã năm Đinh Hương đến Quảng Trường Hàm Rồng		QĐ số 9593/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	29.125,207			29.125,207			12.432,807	16.692,4	

STT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Theo các Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; dự án, điều chỉnh dự án (nếu có)						Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư điều chỉnh			
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư được phê duyệt				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện đã bố trí	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
60	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Phúc, phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa.		QĐ số 2196/QĐ-UBND ngày 19/3/2019	202.398,578		202.398,578				173.144,402	29.254,176	
61	Đường Đông Xuân, huyện Đông Sơn - thành phố Thanh Hóa, Đoạn Đông Xuân - Đông Thanh		QĐ số 1619/QĐ-UBND ngày 13/5/2024	122.999,217			122.999,217			93.834,085	29.165,132	
62	Đài truyền thanh - truyền hình thành phố Thanh Hóa		QĐ số 3455/QĐ-UBND ngày 16/10/2014	66.913			66.913			62.934,313	3.978,687	
63	Đại lộ Lê Lợi kéo dài đến đê Sông Mã		QĐ số 46/QĐ-UBND ngày 07/01/2009	349.158,97			349.158,97			299.069,154	50.089,816	
64	Đường Lý Nhân Tông, thành phố Thanh Hóa	Ban QLDA ĐTXD khu vực Đông Sơn	QĐ số 1302/QĐ-UBND ngày 11/5/2006	37.889			37.889			32.548,532	5.340,468	
65	Khu văn hóa tưởng niệm Bác Hồ		QĐ số 9766/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	6.270,258		5.000,000	1.270,258			5.145,783	1.124,475	
66	Cầu Hội An (nối công viên Hội An với công viên nước Đông Hương), TPTH		Các QĐ số 10431/QĐ-UBND ngày 23/10/2017; 10706/QĐ-UBND ngày 25/11/2014	35.042,336		35.042,336				20.173,165	14.869,171	
67	Lắp đặt hệ thống cấp nước cho dự án Nhà ở xã hội dành cho người thu nhập thấp tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa		QĐ số 4623/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	720,99		582,639	138,351			720,990		

STT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Theo các Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; dự án, điều chỉnh dự án (nếu có)						Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư điều chỉnh			
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư được phê duyệt				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện đã bố trí	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
68	Nâng cấp, cải tạo đường Bà Triệu (từ ngã 3 đường sắt Đông Thọ đến vị trí quy hoạch Quảng trường Hàm Rồng)		Các QĐ số 3246/QĐ-UBND ngày 22/9/2009; 65/QĐ-UBND ngày 06/01/2012	43.644			43.644			39.339	4.305	
69	Tuyến đường nối KCN Tây Bắc Ga với đường vành đai phía Tây, TP. Thanh Hóa (Từ mốc A2 đến mốc A4).		Các QĐ số: 2053/QĐ-UBND ngày 04/6/2018; 278/QĐ-UBND ngày 21/1/2021; 96/QĐ-UBND ngày 6/1/2022; 387/QĐ-UBND ngày 31/1/2023; 1716/QĐ-UBND ngày 2/5/2024; 248/QĐ-UBND ngày 24/1/2025	59.278,54		45.000	14.278,54			53.111,002	6.167,538	
70	Sửa chữa, cải tạo các tuyến đường Cao Thắng, Đinh Công Tráng, Nguyễn Du, thành phố Thanh Hóa		QĐ số 4570/QĐ-UBND ngày 06/11/2015	37.689		18.563,5	19.125,5			21.197,7	16.491,3	
71	Nâng cấp, cải tạo đường Lê Thánh Tông, thành phố Thanh Hóa	Ban QLDA ĐTXD khu vực Đông Sơn	QĐ số 4070/QĐ-UBND ngày 14/10/2015	36.773		23.376	13.397			35.276,275	1.496,725	
72	Đường giao thông từ xã Đông Nam đến đường vành đai phía Tây thành phố Thanh Hoá tại Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn (Tên cũ: Tuyến đường từ Xã Đông Nam đến đường vành đai phía Tây (tại Xã Đông Quang))		QĐ số 2188/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	159.378,002		60.000,000	99.378,002			117.282,273	42.095,729	

STT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Theo các Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; dự án, điều chỉnh dự án (nếu có)						Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư điều chỉnh			
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư được phê duyệt				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện đã bố trí	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
73	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (MBQH 5186) phục vụ giải phóng mặt bằng dự án: Hệ thống tiêu úng Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa (4,96 ha)		Các QĐ số: 345/QĐ-UBND ngày 27/01/2016; 6619/QĐ-UBND ngày 13/8/2018	52.584,170	9.558,027		43.026,143		9.558,027	26.993,882	16.032,261	
74	Nhà hát Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa		Các QĐ số: 3410/QĐ-UBND ngày 1/10/2009; 4024/QĐ-UBND ngày 30/11/2012; 2667/QĐ-UBND ngày 26/7/2017	163.368		163.368				158.932,892	4.435,108	
75	Hệ thống giao thông kết nối và HTKT tại mặt bằng Dự án Trung tâm Thương mại tại phường Quảng Thành		QĐ số 7529/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	97.318,967		85.342,697	11.976,270			90.668,805	6.650,162	
76	Đường QL45 cải dịch, đoạn từ nút giao Đường ĐH-TH05 (Kênh Nam) đi nút giao với đường QL1 – QL45, huyện Thiệu Hóa	Ban QLDA ĐTXD khu vực Thiệu Hóa	Các QĐ số: 10/QĐ-UBND ngày 04/1/2023; 2457/QĐ-UBND ngày 26/5/2025	220.684,832			220.684,832			123.723,477	96.961,355	
77	Tuyến đường giao thông đoạn tránh Ngã Ba Chè, từ xã Thiệu Trung đến Thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa		QĐ số 1166/QĐ-UBND ngày 05/4/2022	146.972,481	40.000	60.000	46.972,481		40.000	67.036,547	39.935,934	

STT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Theo các Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; dự án, điều chỉnh dự án (nếu có)						Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư điều chỉnh			
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư được phê duyệt				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện đã bố trí	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
78	Đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở vật chất Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hoá		QĐ số 2361/QĐ-UBND ngày 04/7/2023	175.000		100.000	50.000	25.000		139.000	11.000	25.000
79	Xây dựng nhà lớp học, phòng học bộ môn 3 tầng 18 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Lê Văn Hưu		QĐ số 1263/QĐ-UBND ngày 13/4/2022	24.342,231		17.040	7.302,231			18.990,231	5.352	
80	Xây dựng cơ sở vật chất Trường THPT Nguyễn Quán Nho, huyện Thiệu Hóa		QĐ số 2859/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	29.995,621		23.000	6.995,621			28.995,621	1.000	
81	Xây dựng nhà lớp học và các công trình phụ trợ Trường THPT Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa		QĐ số 4615/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	12.753,027		8.927,119	3.825,908			12.753,027		
82	KDT lịch sử trận địa Đông Ngàn và tượng đài Trung đội dân quân Gái xã Hoa Lộc	Ban QLDA ĐTXD khu vực Hậu Lộc	QĐ số 1458/QĐ-UBND ngày 28/4/2022	74.968		37.000	10.000	27.968		42.500	4.500	27.968
83	ĐTXD Công sở xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc		QĐ số 1464/QĐ-UBND ngày 15/4/2024	7.866,507		5.300	2.566,507			6.166,507	1.700	
84	Xây dựng nhà khám chữa bệnh trung tâm Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc.		QĐ số 4456/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	158.000		110.000	42.000	6.000		152.000		6.000

STT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Theo các Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; dự án, điều chỉnh dự án (nếu có)						Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư điều chỉnh			
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư được phê duyệt				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện đã bố trí	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
85	Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung - Ngọc Liên - Ngọc Sơn - Ngọc Trung - Lam Sơn, huyện Ngọc Lặc đi xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân	Ban QLDA ĐTXD khu vực Ngọc Lặc	QĐ số 1095/QĐ-UBND ngày 30/3/2022	167.000		85.000	82.000			166.819,154	180,846	
86	Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc đi thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định		QĐ số 971/QĐ-UBND ngày 18/3/2022	154.000		125.000	29.000			145.300	8.700	
87	Đường giao thông từ bản Vân đi bản Peo đi bản Vần, xã Yên Thắng đi bản Chiềng Nưa, xã Yên Khương, huyện Lang Chánh	Ban QLDA ĐTXD khu vực Lang Chánh	Các QĐ số: 572/QĐ-UBND ngày 10/5/2023; 973/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	64.750	47.000	17.750			47.000	17.750		
88	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông từ bản En đi bản Năng Cát, xã Trí Nang, huyện Lang Chánh		Các QĐ số: 334/QĐ-UBND ngày 05/4/2023; 1248/QĐ-UBND ngày 5/4/2023; 1574/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	48.950	44.500	4.450			44.500	4.450		
89	Đường giao thông từ bản Ngàm Pốc đi bản Con, bản Vịn, xã Yên Thắng, huyện Lang Chánh	Ban QLDA ĐTXD khu vực Lang Chánh	QĐ số 2306/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	37.950	34.500	3.450			34.500	3.450		
90	Nâng cấp đường giao thông từ thôn Pọng đi thôn Khụ xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh		QĐ số 2338/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	24.725	22.477	2.248			22.477	2.248		

STT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Theo các Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; dự án, điều chỉnh dự án (nếu có)						Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư điều chỉnh			
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư được phê duyệt				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện đã bố trí	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
91	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ xã Tân Phúc, huyện Lang Chánh đi xã Văn Nho, huyện Bá Thước		QĐ số 1556/QĐ-UBND ngày 06/5/2020	54.000	48.600	5.400			48.600	5.400		
92	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ thôn Phóng - Áng đi thôn Chiếu xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh		QĐ số 1716/QĐ-UBND ngày 16/5/2020	29.999,877	26.999,889	2.999,988			26.999,889	2.999,988		
93	Tuyến đường số 7 Đô thị Lam Sơn - Sao Vàng	Ban QLDA ĐTXD khu vực Thọ Xuân	QĐ số 1116/QĐ-UBND ngày 10/3/2025	995.000			995.000			983.000	12.000	
94	Tuyến đường số 8 Đô thị Lam Sơn - Sao Vàng		QĐ số 1117/QĐ-UBND ngày 10/3/2025	461.000			461.000			451.400	9.600	
95	Cầu Thọ Diên qua sông Chu nối Quốc lộ 47C với ĐT.506B		QĐ số 2336/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	798.000			798.000			793.000	5.000	
96	Đầu tư xây dựng công sở xã Thọ Xương		Các QĐ số 3452/QĐ-UBND ngày 13/10/2022; 1539/QĐ-UBND ngày 09/5/2023	6.929,618		5.300	1.629,618			6.044,618	885	
97	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị dịch vụ và sân golf tại các xã Xuân Phú, Thọ Lâm, Thọ Xương, huyện Thọ Xuân	Ban QLDA ĐTXD khu vực Thọ Xuân	QĐ số 1344/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	4.435,85			4.435,85			4.231,85	204	

STT	Tên dự án	Tên chủ đầu tư	Theo các Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; dự án, điều chỉnh dự án (nếu có)						Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư điều chỉnh			
			Số Quyết định	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư được phê duyệt				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện đã bố trí	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
98	Phát triển tổng hợp các đô thị động lực – Tiểu dự án đô thị Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Ban QLDA ĐTXD khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN	Các QĐ 1052/QĐ-UBND ngày 25/3/2019, 2828/QĐ-UBND ngày 17/7/2020, 2345/QĐ-UBND ngày 01/7/2022, 3621/QĐ-UBND ngày 06/10/2023, 610/QĐ-UBND ngày 27/02/2025	2.314.276,988	Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo							

Phụ lục II

DỰ ÁN ODA ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH NGUỒN VỐN VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên dự án	Theo các Quyết định phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án (nếu có)								Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư điều chỉnh						
	Tổng mức đầu tư dự án	Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư được phê duyệt							Vốn vay ODA	Trong đó:		Vốn đối ứng	Trong đó:		Các nguồn huy động hợp pháp khác/xã hội hóa
		Vốn vay ODA	Trong đó:		Vốn đối ứng	Trong đó:		Ngân sách Trung ương cấp phát		Ngân sách tỉnh vay lại	Ngân sách Trung ương cấp phát		Ngân sách tỉnh vay lại		
			Ngân sách Trung ương cấp phát	Ngân sách tỉnh vay lại		Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện								
Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	2.314.276,988	1.198.961,478	719.376,887	479.584,591	1.115.315,510	577.549,992	537.765,518		1.198.961,478	719.376,887	479.584,591	1.115.315,510	1.093.825,419	21.490,091	